TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2020
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Võ Văn Liềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 309/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Ngọc Th - sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***2. Bị đơn*:** Chị Bùi Thị L - sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/11/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc Th trình bày: Tôi và vợ tôi là Bùi Thị L kết hôn với nhau vào ngày 20/11/2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và có đăng kí kết hôn trễ hạn tại UBND xã V, huyện Gò Quao vào ngày 21/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do làm ăn thất bại rồi vợ chồng cãi vã. Vào ngày 01/03/2019, vợ tôi đã tự ý dẫn con tôi bỏ nhà đi đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi có nguyện vọng là yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với vợ tôi là Bùi Thị L.

Về con chung: Có một người con chung tên Huỳnh Chí B - sinh ngày 02/8/2010, vợ tôi đã dẫn con tôi đi khỏi địa phương nên tôi không biết con tôi đang ở đâu và làm gì. Do đó, tôi đồng ý giao con cho vợ tôi nuôi và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Bùi Thị L trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị L nhiều lần nhưng chị vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo tìm kiếm chị L trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay chị L cũng không có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo tống đạt đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên là tòa không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Huỳnh Ngọc Th được ly hôn với chị Bùi Thị L. Về con chung: Ghi nhận việc anh Th giao cháu Huỳnh Chí B - sinh ngày 02/8/2010 cho chị L được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh Huỳnh Ngọc Th và chị Bùi Thị L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Bùi Thị L được Tòa án thông báo tìm kiếm chị trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi chị có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng chị L không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Ngọc Th và chị Bùi Thị L kết hôn với nhau vào ngày 20/11/2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/12/2010 theo Trích lục kết hôn số 3007/TLKH-BS, ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã V. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh Th và chị L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của anh Th và chị L là hôn nhân tự nguyện nhưng trước khi kết hôn anh chị vẫn chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã. Anh Th cho rằng do làm ăn thất bại nên vợ chồng anh chị cãi vã. Vào ngày 01/03/2019, chị L đã tự ý dẫn con

bỏ nhà đi đến nay. Ngày 11/6/2020 và ngày 29/6/2020 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng chị L không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của chị L. Tại phiên tòa anh Th vẫn cương quyết xin ly hôn với chị L. Xét thấy vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ ngày 01/3/2019 đến nay nhưng không thể hàn gắn được và tại phiên tòa, anh Th tỏ rõ thái độ không còn yêu thương chị L. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th.

[4] Đối với chị Bùi Thị L, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà chị L tống đạt các văn bản đúng theo qui định của pháp luật và thông báo cho chị L trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi chị có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng chị L không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của chị L.

[5] Về con chung: Anh Th xác định anh và chị L có 01 người con chung tên Huỳnh Chí B - sinh ngày 02/8/2010. Tại phiên tòa, xét thấy hiện nay cháu B đang sống với chị L, anh Th không biết hiện nay chị L và cháu B đang ở đâu nên anh Th tự nguyện giao cháu B cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Th không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc anh Th tự nguyện giao cháu B cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Ngọc Th có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th xác định anh và chị L không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên anh không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng anh Huỳnh Ngọc Th phải nộp do anh có yêu cầu xin ly hôn nhưng anh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005838, ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng anh Th tự nguyện chịu nộp và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Huỳnh Ngọc Th được ly hôn với chị Bùi Thị L.

2. Về con chung: Ghi nhận việc anh Huỳnh Ngọc Th tự nguyện giao cháu Huỳnh Chí B - sinh ngày 02/8/2010 cho chị Bùi Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Huỳnh Ngọc Th có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng anh Huỳnh Ngọc Th phải nộp do anh có yêu cầu xin ly hôn nhưng anh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005838, ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng anh Th tự nguyện chịu nộp và đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 31/7/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn